TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 926/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15-7-2021
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng L.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần P;

2. Ông Huỳnh P.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn T – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa***: Không tham gia.

Ngày 15 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H (số 26 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận M, Thành phố H) xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số 57/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2791/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Lê T**, sinh năm 1974

Địa chỉ thường trú: số 606/135 đường 3/2, Phường 14, Quận B, Thành phố H.

Địa chỉ liên lạc: số 613 đường Bà Hạt, Phường 8, Quận B, Thành phố H

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn P**, sinh năm 1973

Địa chỉ: số 1361 Dickens Rd NW Lilburn GA 30047, Hoa Kỳ.

(Các đương sự đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/02/2021 và tại Bản tự khai ngày 02/4/2021, nguyên đơn – bà Lê T trình bày:

Bà và ông Nguyễn P quen biết, tìm hiểu sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2015 (theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/12/2015, vào sổ đăng ký kết hôn số 3178, Quyển số 16 ngày 31/12/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố

H).

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau 30 ngày, thời gian 15 ngày đầu cuộc sống hạnh phúc nhưng đến 15 ngày sau thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cả hai có sự khác nhau về phong tục tập quán và thói quen sinh hoạt hàng ngày; tháng 02/2016 ông P trở về Hoa Kỳ, vợ chồng không liên lạc với nhau từ đó đến nay.

Bà T cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông P để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Bản tự khai và Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 05/5/2021 (đã được Tổng Lãnh sự quán nước Cộng hòa XHCN Việt Nam tại Houston, Texas, Hoa Kỳ chứng thực lãnh sự ngày 27/5/2021), bị đơn – ông Nguyễn P, trình bày:*

Ông và bà Lê T tự nguyện sống chung, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thành phố H (theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/12/2015, vào sổ đăng ký kết hôn số 3178, Quyển số 16 ngày 31/12/2015).

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau chỉ 30 ngày nhưng đã phát sinh mâu thuẫn 15 ngày, sau đó do công việc Ông phải trở về Hòa Kỳ, từ đầu năm 2016 đến nay vợ chồng không còn liên lạc với nhau.

Ông P đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông P khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Lê Tvà ông Nguyễn P là Ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có nơi cư trú tại Thành phố H, bị đơn có nơi cư trú tại Hoa Kỳ nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân Thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 37 và khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình tố tụng, sau khi cung cấp lời khai và trình bày ý kiến, nguyên đơn bà Lê T và bị đơn ông Nguyễn P đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử nhận thấy việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa không gây ảnh hưởng hoặc làm thay đổi nội dung vụ án đồng thời phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn (vào sổ đăng ký kết hôn số 3178, Quyển số 16) ngày 31/12/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố H thì quan hệ hôn nhân giữa bà Lê T và ông Nguyễn P là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của nguyên đơn bà Lê T và bị đơn ông Nguyễn P thì trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, có sự khác nhau về phong tục tập quán và thói quen sinh hoạt hàng ngày dẫn đến mâu thuẫn, sau khi ông P trở về Mỹ thì vợ chồng đã không còn liên lạc với nhau từ năm 2016 đến nay; bên cạnh đó, hiện cả hai đang sinh sống và làm việc ở 02 đất nước khác nhau nên khó có khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả bà T và ông P đều đồng ý ly hôn để ổn định cuộc sống riêng. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống chung giữa bà T và ông P không thể kéo dài, việc ly hôn là cần thiết, là nguyện vọng chính đáng đồng thời phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông P đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê T.

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Lê T được ly hôn với ông Nguyễn P.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lê T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2019/0093721 ngày 05/3/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H. Bà T không phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Lê T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp.H;
- VKSND Cấp cao tại Tp.H;
- VKSND Tp.H;
- Cục THADS Tp.H;
- UBND Tp.H;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng L

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND Tp.HCM;
- Cục THA dân sự Tp.HCM;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp.HCM;
- Các đương sự (02);
- Lưu: HSVA, VT.

Đặng Thị Bích Loan